

Số: 115 /TB-TTYT

Tân Hiệp, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc yêu cầu báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm

Kính gửi: Quý Công ty/ Đơn vị .

Trung tâm Y tế Tân Hiệp có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm sử dụng 12 tháng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Tân Hiệp - địa chỉ: Khu phố B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS. Kiều Quốc Phong - khoa Dược-TTB-VTYT, số điện thoại: 097770.6661, địa chỉ email: kieuquocphong68@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá bằng một trong các hình thức sau:

- Bảng giấy gửi về địa chỉ: Khoa Dược - Trung tâm Y tế Tân Hiệp - địa chỉ: Khu phố B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

- Bảng Scan gửi qua email: kieuquocphong68@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15 tháng 9 năm 2025 đến trước 23 giờ 59 phút ngày 25 tháng 9 năm 2025.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: 83 mặt hàng (theo phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm, cung cấp: Khoa Dược - Trung tâm Y tế Tân Hiệp - địa chỉ: Khu phố B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 72 giờ kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng hợp lệ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Phương thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, thời gian thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày đơn vị nhận được đầy đủ hàng hóa và các chứng từ theo quy định (hóa đơn, biên bản nghiệm thu, 08a....)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD.



GIÁM ĐỐC *ma*

Bùi Công Minh



DANH MỤC

Về việc yêu cầu báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm

(Kèm theo Thông báo số 115/TB-TTYT ngày 15/9/2025 của Trung tâm Y tế Tân Hiệp)

STT	Tên hàng hóa	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng 12 tháng
I	MÁY HUYẾT HỌC BC 3000 PLUS (18 THÔNG SỐ)				
1	Dung dịch pha loãng Diluent	Thùng 20 lít Thành phần: Sodium chloride :< 1.0 % Buffers < 1.0 % Preservative < 0.5 % Stabilizers < 0.5 % Hạn sử dụng 36 tháng kể từ ngày sản xuất	ISO,CE	Lít	1,200
2	Dung dịch ly giải hồng cầu	Thành phần: Detergents < 2.2 % Buffers < 0.8 % Preservative < 0.4 % Stabilizers < 0.4 % Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất	ISO,CE	Lít	24
3	Dung dịch rửa máy Clener	THÀNH PHẦN Detergents <1.0% Chất đệm <1.0% Chất ổn định<0.5 % Chất bảo quản<0.5% Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ISO,CE	Lít	500
4	Dung dịch rửa kim	THÀNH PHẦN Detergents <1.0% Chất đệm <1.0% Chất ổn định<0.5 % Chất bảo quản<0.5% Nước khử ion Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	ISO,CE	ML	500
5	Chất kiểm tra huyết học	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao.	ISO,CE	ML	36

II		MÁY SINH HÓA: MONARCH 240, BIOLAB 280			
6	Chất thử Glucose	Hóa chất xét nghiệm Glucose Thành phần: + TRIS pH 7.4: 92 mmol/L, Phenol: 0,3 mmol/L, Glucose oxidase (GOD): 15000 U/L, Peroxidase (POD): 1000 U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 2.6 mmol/L Dải đo: 0,3709 mg/dL đến 500 mg/dL.	ISO,CE	ML	20,000
7	Chất thử Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol-LQ Thành phần: + PIPES pH 6.9: 90mmol/L + Phenol: 26 mmol/L + Cholesterol esterase (CHE): 1000U/L + Cholesterol oxidase (CHOD): 300U/L + Peroxidase (POD): 650U/L + 4 – Aminophenazone (4-AP): 0.4 mmol/L Dải đo: từ 0mg/dL đến 1000mg/dL	ISO,CE	ML	18,000
8	Chất thử Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides Thành phần: GOOD pH 6.3: 50 mmol/L, p-Chloropheno: 2 mmol/L, Lipoprotein lipase (LPL): 150000 U/L, Glycerol kinase (GK): 500 U/L, Glycerol-3-oxidasa (GPO): 3500 U/L, Peroxidase (POD): 440 U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 0,1 mmol/L, ATP: 0,1 mmol/L Dải đo: 0,000 mg/dL đến 1600 mg/dL	ISO,CE	ML	18,000
9	Chất thử HDL - Cholesterol Direct	Hóa chất xét nghiệm HDL Thành phần: + R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2- aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM, N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0,7 mM, Cholesterol Esterase: ≥ 800 U/L, Cholesterol oxidase: ≥ 500 U/L, Catalase: ≥ 300 U/L, Ascorbic oxidase: ≥ 3000 U/L + R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1,1 mmol/L, 4 – Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM, Peroxidase: ≥ 3500 U/L Dải đo: 9,7 mg/dL đến 151 mg/dL	ISO,CE	ML	18,000
10	Chất thử AST (GOT)	Hóa chất xét nghiệm GOT Thành phần: + R1: TRIS pH 7.8: 80 mmol/L, Lactate dehydrogenase (LDH): 800 U/L, L-Aspartate: 200 mmol/L, Malate dehydrogenase (MDH): 600U/L + R2: NADH: 0.18 mmol/L, a-Ketoglutarate: 12mmol Dải đo: 0 U/L đến 467 U/L	ISO,CE	ML	10,000

11	Chất thử ALT (GPT)	Hóa chất xét nghiệm GPT Thành phần: + R1: TRIS pH 7.8: 100 mmol/L, Lactate dehydrogenase (LDH): 1200 U/L, L-Alanine: 500 mmol/L + R2: NADH: 0.18 mmol/L, a-Ketoglutarate: 15mmol Dãi đo: 0 U/L đến 400 U/L	ISO,CE	ML	10,000
12	Chất thử Gamma GT	Hóa chất xét nghiệm ggt Thành phần: + R1: TRIS pH 8.6: 100 mmol/L, Glycylglycine: 100 mmol/L + R2: L-y-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3 mmol/L Dãi đo: 2 U/L đến 300 U/L	ISO,CE	ML	10,000
13	Chất thử Creatinin	Hóa chất xét nghiệm CREA Thành phần: + R1: Picric acid: 17,5 mmol/L + R2: Sodium hydroxide: 0,29 mol/L Dãi đo: 0,000 mg/dL đến 35 mg/dL.	ISO,CE	ML	10,000
14	Chất thử Urea	Hóa chất xét nghiệm Urea Thành phần: + R1: TRIS pH 7.8: 80mmol/L, a-Ketoglutarate: 6 mmol/L, Urease: 75000 U/L + R2: GLDH: 60000 U/L, NADH: 0.32 mmol/L Dãi đo: 0,743 mg/dL đến 400 mg/dL	ISO,CE	ML	10,000
15	Chất thử Calcium	Hóa chất xét nghiệm Calcium Thành phần: + Midazol Buffer pH 6,5: 100mmol/L + Arsenazo III: 120mmol/L Dãi đo: từ 0.026mg/dL đến 32mg/dL	ISO,CE	ML	3,000
16	Chất thử Uric Acid	Hóa chất xét nghiệm Uric Thành phần: + R1: Phosphate pH 7.4: 50 mmol/L, 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS) 4 mmol/L + R2: Uricase: 60U/L, Peroxidase (POD): 660U/L, Ascorbate oxidase: 200U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 1mmol/L Dãi đo: 0,01647 mg/dL đến 40 mg/dL	ISO,CE	ML	5,000
17	Chất thử Bilirubin TOTAL	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Total Thành phần: + R1: Surfactants: <1%; Hydrochloric acid (HCl): 160mM + R2: 2,4-DPD ≥2 mM; Hydrochloric acid (HCl): 120M; Surfactant <1% Dãi đo: từ 0.1mg/dL đến 30mg/dL	ISO,CE	ML	400

18	Chất thử Bilirubin DIRECT	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Direct Thành phần: + R1: Bromcresol green pH 4.2:0.12mmol/l; + R2: 2,4-DPD: 0.5 mM; Hydrochloric acid (HCl): 0.3M Dải đo: từ 0.03mg/dL đến 9mg/dL	ISO,CE	ML	400
19	Chất thử Total Proteins	Hóa chất xét nghiệm TOTAL PROTEINS Thành phần: Sodium potassium tartrate: 15 mmol/L, Sodium iodide: 100 mmol/L, Potassium iodide: 5 mmol/L, Copper (II) sulphate: 19 mmol/L Dải đo: 0,007 g/dL đến 14 g/dL	ISO,CE	ML	720
20	Chất thử Albumin	Hóa chất xét nghiệm ALBUMIN Thành phần: + Bromcresol green pH 4.2:0.12mmol/l Dải đo: từ 0.0349g/dL đến 6g/dL	ISO,CE	ML	720
21	Chất thử AMYLASE	Hóa chất xét nghiệm Amylase-LQ Thành phần: + MES pH 6.0: 100mmol/L + CNPG3: 2.25mmol/L + Sodium clorhidre: 350mmol/L + Calcium acetate: 6mmol/L + Potassium thiocyanate: 900mmol/L + Sodium azide: 0.95gr/L Dải đo: từ 0.2439U/L đến 2200U/L	ISO,CE	ML	720
22	Chất thử CRP	Hóa chất xét nghiệm CRP Thành phần: + R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8,2. Preservative + R2: Latex particles coated with goat IgG anti-human CRP, pH 7,3. Preservative Dải đo: khoảng 150mg/L	ISO,CE	ML	600
23	Chất thử Alcohol Ethanol	Quy cách: 10x10m/1x5ml - Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. - Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.	ISO,CE	ML	200
24	Calib/Cồn	Chất hiệu chuẩn và kiểm chứng cho xét nghiệm Alcohol	ISO,CE	ML	40
25	Control/Cồn	Chất kiểm chứng chung cho xét nghiệm AMMONIAC và ALCOHOL	ISO,CE	ML	80

26	Chất thử CK- MB	Hóa chất xét nghiệm CK- MB Thành phần: + R1: Imidazol, pH 6.7: 125 mmol/L, D-Glucose : 25 mmol/L, N-Acetyl-L Cysteine: 25 mmol/L, Acetate de magnesium : 12.5 mmol/L, NADP: 2,52 mmol/l, EDTA: 2,02 mmol/l, Hexokinase >= 6800 U/L + R2: ADP: 15.2 mmol/L, AMP: 25 mmol/L, di-Adenosine -5 pentaphosphat: 103 mmol/L, G6F-DH >=8 800 U/L, Fosfato de creatina : 250 mmol/L Dãi đo: từ 1.9 U/L đến 1000 U/L	ISO,CE	ML	800
27	Chất thử ASO	Hóa chất xét nghiệm ASO TURBI Thành phần: + R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8,2. Preservative + R2: Latex particles coated with streptolysin O, pH 10,0; Preservative. Dãi đo: Khoảng 800 IU/mL	ISO,CE	ML	100
28	Control ASO/CRP/RF mức thấp	ASO/CRP/RF Control L Human serum. With a low concentration of ASO, CRP and RF.	ISO,CE	ML	8
29	Control ASO/CRP/RF mức cao	ASO/CRP/RF Control H Human serum. With a high concentration of ASO, CRP and RF.	ISO,CE	ML	8
30	Chất thử Widal	STAINED FEBRILE ANTIGENS For Widal Felix Tests	ISO,CE	Hộp	1
31	Chất chuẩn Calibrator	Hóa chất xét nghiệm SPINTROL "H" CALIBRATOR Thành phần: Huyết thanh người, phụ gia sinh học, tác nhân kim khuẩn. Nồng độ của các thành phần là đặc trưng cho từng lô	ISO,CE	ML	72
32	Control mức 1	Hóa chất xét nghiệm SPINTROL "H" NORMAL Thành phần: + Huyết thanh người, phụ gia sinh học, tác nhân kim khuẩn. Có nồng độ của các thành phần cụ thể được cung cấp ở bảng giá trị kèm theo.	ISO,CE	ML	200
33	Control mức 2	Hóa chất kiểm chuẩn SPINTROL "H" PATHOLOGICAL Thành phần: + Huyết thanh người, phụ gia sinh học, tác nhân kim khuẩn. Có nồng độ của các thành phần cụ thể được cung cấp ở bảng giá trị kèm theo.	ISO,CE	ML	200
34	Chất chuẩn HbA1c Calibratorset	Hóa chất xét nghiệm HbA1c -d CALIBRATOR Thành phần: Máu người, chất bảo quản.	ISO,CE	ML	2
35	Chất thử HbA1c Direct Enzymatic	Hóa chất xét nghiệm HbA1c Thành phần: + R1: Latex 0,13%, Buffer, stabilizer; + R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody 0,05mg/mL, goat anti-mouse IgG polyclonal antibody 0,08mg/dL, Buffer, stabilizers. + R3: Water and stabilizers Dãi đo: 2% đến 16%	ISO,CE	ML	240

36	Chất kiểm tra HbA1c Control Set (control high & control Low)	Hóa chất xét nghiệm HbA1c -d CONTROL Thành phần: Máu người, chất bảo quản. Nồng độ của HbA1c được ghi trên nhãn lọ.	ISO,CE	ML	12
37	Dung dịch Washing Solution	Hóa chất rửa WASHING SOLUTION Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không chứa ion và các chất kiềm hóa.	ISO,CE	Can	36
III	MÁY HBA1C: QUO-LAB A1C				
38	Chất thử QUO-LAB A1C TEST KIT	Hóa chất xét nghiệm HbA1c	ISO,CE	Test	3,000
39	Quo -Lab Quality control	Hoá chất dùng cho máy xét nghiệm Quo-Lab A1c để kiểm chuẩn xét nghiệm hba1c	ISO,CE	ML	12
IV	MÁY ĐIỆN GIẢI : EASYLYTE PLUS				
40	Chất thử điện giải đồ	Dung dịch chuẩn B, 180mL Chất đệm Chất bảo quản Chất làm ướt	ISO, FDA	ML	14,400
41	Dung dịch rửa máy Clener	Rửa và làm sạch các đường dây dẫn mẫu trong máy phân tích điện giải. Thành phần hóa chất: 1x90mL HCl (0.1N) và muối Bột tẩy rửa hàng ngày 6 chai Enzim pepsin (0.05g)	ISO, FDA	ML	810
42	Chất kiểm tra hai nồng độ	Sản phẩm là dung dịch chứa muối, chất đệm, albumin bò và chất bảo quản dùng để thiết lập hoạt động của các hệ thống phân tích điện giải	ISO, FDA	ML	120
43	Điện cực chuẩn Ref	điện cực chuẩn Referene sử dụng cho máy	ISO, FDA	Cái	2
44	Điện cực Na	điện cực Natri sử dụng cho máy	ISO, FDA	Cái	2
45	Điện cực K	điện cực Kali sử dụng cho máy	ISO, FDA	Cái	2
46	Điện cực Cl	điện cực Clorua sử dụng cho máy	ISO, FDA	Cái	2
47	Dung dịch bảo dưỡng	Dung dịch bảo dưỡng máy	ISO, FDA	Hộp	2
48	Dây bơm	Dây bơm cao su	ISO,FDA	Sợi	2
49	Sample detector	điện cực Sample detector	ISO,FDA	Cái	1
V	MÁY NƯỚC TIỂU : MISSION U120 SMART				
50	Que thử nước tiểu 11 Thông số	Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	ISO	Que	4,000

51	chất kiểm tra 2 nồng độ	Sản phẩm này cung cấp dải giá trị tham chiếu cho 13 thông số trên que thử nước tiểu của hầu hết các nhà sản xuất. Có nguồn gốc 100% nước tiểu người. 13 thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, hCG, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity, Urobilinogen	CE, ISO	Lọ	12
VI	TEST NHANH CHẨN ĐOÁN				
51	Dung dịch định nhóm máu anti A	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	ISO	ML	100
53	Dung dịch định nhóm máu Anti B	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	ISO	ML	100
54	Dung dịch định nhóm máu Anti AB	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB	ISO	ML	50
55	Dung dịch định nhóm máu Anti D	Lọ 10ml, Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai	ISO	ML	100
56	Test nhanh định tính Viêm gan HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế: SPCĐ-TTB-300-17	ISO	Test	1,200
57	Test nhanh định tính kháng thể HBsAb	Xét nghiệm định tính kháng thể kháng HBs, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương	ISO	Test	500
58	Test nhanh định tính Viêm gan HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế: SPCĐ-TTB-301-17	ISO	Test	1,200
59	Test nhanh định tính Dengue NS1 Ag	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	ISO	Test	2,000
60	Test nhanh định tính Dengue IgM/IgG	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	AMVI/VN	Test	1,000
61	Test nhanh định tính HIV 1/2 3.0	Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	ISO	Test	1,000

62	Test nhanh định tính Multi 5 Drug Urine (MOP, MDMA, MET, KET THC)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + KET1000 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	ISO	Test	1,500
63	Chất thử Toxocara canis IgG ELISA bán tự động	Dùng để xét nghiệm nhiễm giun đũa chó mèo, bảo quản ở nhiệt độ 2-8oC	ISO,CE	Hộp	12
VII	VẬT TƯ				
64	Bóng đèn	Ánh sáng Halogem, hộp 1 cái	ISO	Cái	6
65	Cuvette phản ứng	Cuvette nhựa sử dụng cho phản ứng	ISO	Bộ	4
66	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K3 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Tripotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/hộp, được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	ISO	Tube	24,000
67	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Quy cách: 100 ống/ hộp được đóng trên hộp đế thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	ISO	Tube	36,000
68	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml không nắp	Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính. Đạt tiêu chuẩn GDP	ISO	Tube	1,500
69	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml có nắp	Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong nắp ấn trong màu trắng. Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính. Đạt tiêu chuẩn GDP	ISO	Tube	1,000
70	Đầu Cone vàng	• Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul	ISO	Cái	2,000
71	Đầu Cone xanh	• Chứng nhận IVD: tất cả các đầu col được đăng ký để sử dụng cho việc chuẩn đoán trong phòng thí nghiệm & thực hiện theo tiêu chuẩn 98/79/CE. • Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-1000ul	ISO	Cái	2,000
72	Lam kính	• Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính.	ISO	Hộp	50

73	Lamen 22 x 22mm	Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mặt cắt chính xác. Kích thước: 22mm x 22mm	ISO	Hộp	25
74	Que tăm bông vô trùng	Que tăm bông được đựng trong ống nhựa tiệt trùng bằng khí EO, chiều dài cả ống = 8.5cm Thân que được làm bằng kẽm, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông Nắp ống màu xanh được làm bằng nhựa PP	ISO	Que	1,000
75	Lọ nhựa PS 55ml có nắp	Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 55ml, nắp nhựa màu trắng, có nhãn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	ISO	Lọ	8,000
76	Tube effendorf	Bằng nhựa PP trung tính, gói 1000 cái	ISO	Tube	2,500
77	Giấy in nhiệt 57	Kích thước 57cm, hộp 10 cuộn	ISO	Cuộn	20
78	Sample Cup	Cống đựng mẫu bệnh phẩm , Gói 1000 cái	ISO	Cái	2,500
79	Giấy thấm dầu lau kính	Giấy thấm dầu lau kính	ISO	Tấm	200
80	Giấy lọc	Giấy lọc miếng to kích thước 60x60cm ($\pm 5\%$)	ISO	Tấm	50
81	Dầu soi KHV	Dầu soi KHV	ISO	ML	1,000
82	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml , cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương	TCVN, ISO,CE	Cây	50,000
VIII	HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM LAO				
83	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen (Tây Ban Nha): 1. Methylene Blue 250ml 2. Carbol Fuchsin 250ml 3. Hydrochloric acid in ethanol 250ml	Bộ dung dịch nhuộm Ziehl Neelsen thường được sử dụng trong chuẩn đoán lâm sàng các mẫu bệnh phẩm từ người và phục vụ cho mục đích nghiên cứu vi khuẩn học, mô học từ vật mẫu có nguồn gốc từ người. Bộ sản phẩm được pha chế sẵn 1. Methylene Blue 250ml 2. Carbol Fuchsin 250ml 3. Hydrochloric acid in ethanol 250ml - Kỹ thuật nhuộm Ziehl Neelsen - Kỹ thuật nhuộm Ziehl Neelsen cải tiến có thể áp dụng cho phân tươi, hoặc phân được cố định trong formon, hoặc các loại bệnh phẩm khác như dịch hút tá tràng, mật, đàm (đờm). Bảo quản: nhiệt độ phòng Sản xuất: Tây Ban Nha.	ISO,CE tương đương	Bộ	60
	Tổng cộng: (83 khoản)				